

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Xét Tờ trình số 1702/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

1. Đối tượng áp dụng.

a) Đối tượng chịu phí: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của:

- Hộ gia đình, cá nhân.

- Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức khác (gồm cả trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức này), trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức này.

- Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy.

- Cơ sở khám, chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

- Cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác không thuộc quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

b) Người nộp phí:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thải nước thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

- Trường hợp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thải nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và trả tiền dịch vụ xử lý nước thải cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo cơ chế giá dịch vụ thì đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (*trừ trường hợp quy định tại khoản 7, Điều 5 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP*).

c) Tổ chức thu phí:

- Tổ chức cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nguồn nước sạch do mình cung cấp.

- Ủy ban nhân dân phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tự khai thác nước để sử dụng.

d) Các trường hợp miễn phí:

Miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các phường, thị trấn chưa có hệ thống cấp nước sạch.

- Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh ở các phường, thị trấn đã có hệ thống cấp nước sạch tự khai thác nước sử dụng.

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Bằng 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

a) Chi phí cho hoạt động thu phí: Để lại 5% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 15% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

b) Phần còn lại sau khi trừ số tiền phí được trích để lại, đơn vị cung cấp nước sạch và Ủy ban nhân dân phường, thị trấn nộp vào ngân sách nhà nước để điều tiết cho các cấp ngân sách như sau:

- Đối với số thu do các đơn vị cung cấp nước sạch nộp (tổ chức, doanh nghiệp cung cấp nước sạch): Điều tiết 100% cho ngân sách cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố).

- Đối với số thu Ủy ban nhân dân phường, thị trấn nộp: Điều tiết 100% cho ngân sách cấp xã (phường, thị trấn).

4. Các nội dung khác có liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.


3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
- Cục KT VBQPPL - BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ; ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Tư pháp; TN&MT;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thủy